

Bản án số: 333/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2024

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thanh Minh.

Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 219/2024/HNST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4747/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Hà Khắc C**, sinh năm 1987; địa chỉ: đường A, Tổ B, ấp C, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Phan Lý Thanh T**, sinh năm 1992; địa chỉ: Nhật Bản.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Hà Khắc C trình bày:

Ông và bà Phan Lý Thanh T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số M do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 3 năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng ông không còn chung sống với nhau. Hiện tại, bà T sinh sống và làm việc ổn định tại Nhật Bản, vợ chồng ông không thể tiếp tục chung sống với nhau, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Phan Lý Thanh T.

Về con chung: Giữa ông và bà Phan Lý Thanh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Phan Lý Thanh T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại Bản tự khai ngày 05 tháng 7 năm 2024, được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản chứng thực cùng ngày 05 tháng 7 năm 2024, bị đơn bà Phan Lý Thanh T trình bày:

Bà và ông Hà Khắc C sau một thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số M ngày 26 tháng 3 năm 2019. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc trong khoảng 02 năm. Sau đó, giữa bà và ông C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên đã sống ly thân cho đến nay. Hiện tại, bà đang sinh sống tại Nhật Bản, còn ông C sinh sống tại Việt Nam, hai người không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù hai người đã cố gắng để hàn gắn tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả, cuộc sống xa cách làm tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Do đó, bà đồng ý ly hôn ông Hà Khắc C.

Về con chung: Giữa bà và ông C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông C không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Phan Lý Thanh T hiện đang cư trú tại Nhật Bản; nguyên đơn ông Hà Khắc C cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều đã có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227;

Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; bị đơn trong vụ án là bà Phan Lý Thanh T hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự cùng thừa nhận có mâu thuẫn và không thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số M ngày 26 tháng 3 năm 2019 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn ông Hà Khắc C và bị đơn bà Phan Lý Thanh T thì hai người đã phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, cuộc sống mỗi người một nơi nên mâu thuẫn không được giải quyết. Mặc dù hai người đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông Hà Khắc C khởi kiện yêu cầu ly hôn và bà Phan Lý Thanh T cũng đồng ý.

Xét thấy, ông Hà Khắc C và bà Phan Lý Thanh T cùng thừa nhận vợ chồng có bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, thời gian không chung sống kéo dài nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông C khởi kiện ly hôn và bà T đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận các đương sự đã thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Hà Khắc C và bà Phan Lý Thanh T cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Ông Hà Khắc C và bà Phan Lý Thanh T cùng trình bày giữa hai người không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên đương sự thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 50% mức án phí quy định, tương ứng số tiền 75.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 19, 55, 56, 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Khắc C và bà Phan Lý Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số M ngày 26 tháng 3 năm 2019 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Các đương sự trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Nguyên đơn ông Hà Khắc C phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo Biên lai thu tiền số D ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, được nhận lại số tiền 125.000 (một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

4.2. Bị đơn bà Phan Lý Thanh T phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Hà Khắc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; bị đơn bà Phan Lý Thanh T cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng; thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND xã Tân Thới Nhi, huyện Hóc Môn, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn